HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 168/NQ-HĐND	*Phong Thổ ngày 10 tháng 7 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Quyết định điều chỉnh bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phân bổ vốn hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 để khắc phụ hậu quả thiên tai, sạt lở;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ về việc đề nghị phê chuẩn điều chỉnh bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023; Báo cáo số 369/BC-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024; Báo cáo thẩm tra số

1529/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh bổ sung tăng dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 với các nội dung, như sau:

1. Tăng dự toán thu ngân sách địa phương với số tiền: 331.083 triệu đồng *(Bằng chữ: Ba trăm ba mươi mốt triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng), cụ thể:*

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên thực hiện chương trình có mục tiêu: 114.361 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai *(Từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương),* số tiền: 3.900 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 *(Vốn sự nghiệp),* số tiền: 51.957 triệu đồng.

+ Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số & miền núi, số tiền: 58.504 triệu đồng.

- Thu kết dư ngân sách: 8.538 triệu đồng.

- Thu nguồn chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024, số tiền: 208.184 triệu đồng, trong đó:

+ Chuyển nguồn ngân sách huyện số tiền: 196.868 triệu đồng.

+ Chuyển nguồn ngân sách xã số tiền: 11.316 triệu đồng.

2. Tăng dự toán chi ngân sách địa phương với số tiền: 331.083 triệu đồng *(Bằng chữ: Ba trăm ba mươi mốt triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng), cụ thể:*

- Chương trình có mục tiêu: 114.361 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai *(Từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương),* số tiền: 3.900 triệu đồng.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 *(Vốn sự nghiệp)*, số tiền: 51.957 triệu đồng.

+ Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số & miền núi, số tiền: 58.504 triệu đồng.

- Chi chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024, số tiền: 208.184 triệu đồng.

+ Chuyển nguồn ngân sách huyện số tiền: 196.868 triệu đồng.

+ Chuyển nguồn ngân sách xã số tiền: 11.316 triệu đồng.

- Chi kết dư ngân sách năm trước: 8.538 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 01,02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức, thực hiện dự toán theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ khoá XXI, kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND khóa XXI;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ T. LAI CHÂU

Vương Thị Thu Hiền

Biểu số 01

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 168/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện giao tại NQ144/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
				Tổng cộng	Chia ra		
					NS huyện	NS xã	
A	B	1	2	3=(4+5)	4	5	6
	TỔNG CỘNG (I + II+III+III)	**1.013.917**	**331.083**	**1.345.000**	**1.166.571**	**178.429**	
	Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng (I.1 + II)	**1.008.137**	**331.083**	**1.339.220**	**1.160.791**	**178.429**	
I	**THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**77.208**	-	**77.208**	**76.800**	**408**	
I.1	***Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng***	*71.428*	-	*71.428*	*71.020*	*408*	
-	*Ngân sách huyện hưởng khi loại trừ thu tiền sử dụng đất*	*56.308*	-	*56.308*	55.900	*408*	
1	Thuế ngoài quốc doanh	45.110		45.110	45.000	*110*	
2	Lệ phí trước bạ	5.000		5.000	5.000		
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.500		1.500	1.500		
4	Phí, lệ phí	2.710	-	2.710	2.500	210	-
	- Phí, lệ phí trung ương hưởng	*800*		*800*	*800*		
	- Phí, lệ phí địa phương	*1.910*		*1.910*	*1.700*	*210*	
5	Thu tiền sử dụng đất	18.900	-	18.900	18.900	-	
	- Ngân sách tỉnh hưởng	*3.780*		*3.780*	3.780		
	- Ngân sách huyện hưởng	*15.120*		*15.120*	15.120		
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	900		900	900		
7	Thu khác ngân sách	3.088	-	3.088	3.000	88	
	- Ngân sách Trung ương	*1.050*		*1.050*	*1.050*		
	- Ngân sách tỉnh hưởng	*150*		*150*	*150*		
	- Ngân sách địa phương hưởng	*1.888*		*1.888*	*1.800*	*88*	
II	**THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**936.709**	**114.361**	**1.051.070**	**884.365**	**166.705**	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	729.277		729.277	616.725,00	112.552	
2	Bổ sung có mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia	207.432	114.361	321.793	267.640,00	54.153	
III	**THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH**		**8.538**	**8.538**	**8.538**		
1	Thu kết dư ngân sách năm 2023		8.538	8.538	8.538		
-	*Nguồn cân đối ngân sách huyện*		*5.466*	5.466	*5.466*		
-	*Kinh phí sự nghiệp giao thông*		*183*	183	*183*		
-	*Kinh phí Sự nghiệp thủy lợi*		*443*	443	*443*		
-	*Nguồn thu tiền sử dụng đất*		*549*	549	*549*		
-	*Nguồn dự phòng ngân sách huyện*		*1.608*	1.608	*1.608*		
-	*Kinh phí xây dựng cơ bản tập trung*		*289*	289	*289*		
IV	**THU CHUYỂN NGUỒN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**		**208.184**	**208.184**	**196.868**	**11.316**	

Biểu số 02

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 168/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND huyện giao	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung	Ghi chú
A	B	1	2	3=1+2	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	**1.008.137**	**331.083**	**1.339.220**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**	**848.848**	-	**848.848**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**114.750**		**114.750**	
1	Chi XDCB tập trung	79.998		79.998	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	15.120		15.120	
2.1	*Chi đầu tư*	*12.000*		12.000	
2.2	*Đo đạc chỉnh lý, bổ sung bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các xã, thị trấn; Lập kế hoạch sử dụng đất; Thống kê, kiểm kê đất đai; Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện*	*3.120*		3.120	
3	Dành nguồn chi thường xuyên để chi đầu tư phát triển	19.632		19.632	
	Chi đầu tư phát triển các dự án ngoài sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	*4.179*		4.179	
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản thuộc sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	*15.453*		15.453	
II	**Chi thường xuyên**	**719.327**		**719.327**	
1	Sự nghiệp kinh tế	58.847		58.847	
2	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo và dạy nghề	449.592		449.592	
3	Sự nghiệp Văn hóa	4.465		4.465	
4	Sự nghiệp Thể thao	1.069		1.069	
5	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	3.425		3.425	
6	Đảm bảo xã hội	38.847		38.847	
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	134.081,9		134.082	
8	Chi Quốc phòng - An ninh	25.547,7		25.548	
9	Chi khác ngân sách	2.710		2.710	
10	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên	742		742	
III	**Dự phòng ngân sách**	**14.771**		**14.771**	
C	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU**	**159.289**	**114.361**	**273.650**	
I	**Chi thực hiện các chương trình MTQG**	**158.938**	**110.461**	**269.399**	
1	**Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**	**85.417**	**51.957**	**137.374**	
1.1	**Vốn đầu tư**	**85.417**		**85.417**	
1.2	**Vốn sự nghiệp**	-	**51.957**	**51.957**	
-	Kinh phí phân bổ chi tiết		48.837	48.837	
-	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết		3.120	3.120	
2	**Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới**	**4.912**	-	**4.912**	
2.1	**Vốn đầu tư**	**3.316**	-	**3.316**	
-	Kinh phí phân bổ chi tiết	3.316		3.316	

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND huyện giao	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh bổ sung	Ghi chú
2.2	**Vốn sự nghiệp**	**1.596**	-	**1.596**	
-	Kinh phí phân bổ chi tiết	1.596		1.596	
3	**Chương trình MTQG PTKTXH vùng ĐB DTTS&MN**	**68.609**	**58.504**	**127.113**	
3.1	**Vốn đầu tư**	**68.609**	-	**68.609**	
-	Kinh phí phân bổ chi tiết	67.292		67.292	
-	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết	1.317		1.317	
3.2	**Vốn sự nghiệp**	-	**58.504**	**58.504**	
-	Kinh phí phân bổ chi tiết		28.043	28.043	
-	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết		30.461	30.461	
II	**Chi thực hiện một số chương trình có mục tiêu, nhiệm vụ**	**351**	**3.900**	**4.251**	
-	Kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2023		3.900	3.900	
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	351		351	
D	**Chi từ nguồn kinh phí chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024**		**208.184**	**208.184**	
-	Chi ngân sách huyện		196.868	196.868	
-	Chi ngân xã		11.316	11.316	
F	**Kết dư ngân sách**		**8.538**	**8.538**	
1	Thu kết dư ngân sách năm 2023		8.538	8.538	
-	*Nguồn cân đối ngân sách huyện*		*5.466*	5.466	
-	*Kinh phí sự nghiệp giao thông*		*183*	183	
-	*Kinh phí Sự nghiệp thủy lợi*		*443*	443	
-	*Nguồn thu tiền sử dụng đất*		*549*	549	
-	*Nguồn dự phòng ngân sách huyện*		*1.608*	1.608	
-	*Kinh phí xây dựng cơ bản tập trung*		*289*	289	